

Số: 1342/BVSN-VTTBYT

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2026

V/v mời chào giá Mua sắm Bộ
dụng cụ phẫu thuật Tai Mũi Họng
tại Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh
Quảng Ninh.

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Mua sắm Bộ dụng cụ phẫu thuật Tai Mũi Họng tại Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Quảng Ninh – phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Phạm Trường Giang – NV phòng VT-TBYT; Số điện thoại: 0968.462.826

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Quảng Ninh – phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: baogia.sannhiquangninh@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Mẫu chào giá: **Theo phụ lục I**

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ, các yêu cầu về cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trước ngày 31/12/2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán sau khi nhận đầy đủ hồ sơ nghiệm thu từ nhà thầu.

5. Thành phần báo giá:

- Bản cứng có chữ ký và dấu của người có thẩm quyền.

- Bản mềm đầy đủ thông tin như bản cứng.

- Giấy ủy quyền.

- Các giấy tờ yêu cầu khác (Tại bảng 1 – Phụ lục I yêu cầu)

Lưu ý:

- Nhà cung cấp, hãng sản xuất có thể chào giá một hoặc nhiều mặt hàng.

- Trường hợp có công nghệ/giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể. Thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh.

- Bất kì danh từ riêng, kí hiệu riêng, thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong Thông số kỹ thuật của Bệnh viện yêu cầu tại Phụ lục I chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, thông số, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể lựa chọn hàng hóa có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, chất liệu, tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu tại Phụ lục I (kèm theo tài liệu chứng minh) để cung cấp trong báo giá.

- Bệnh viện xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:

- + Không có báo giá bản cứng được ký người có thẩm quyền;
 - + Không có bản mềm (Bệnh viện chấp nhận các loại File: Word, Excel)
 - + Không có bảng đáp ứng kỹ thuật, Không cung cấp tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật; Hoặc các tài liệu không được xác nhận bởi đại diện hợp pháp.
 - + Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại, email.
 - + Không có Giấy ủy quyền của Chủ sở hữu hàng hóa, hãng sản xuất, hoặc đại lý phân phối cấp cho Nhà cung cấp để bán sản phẩm.
 - + Không đảm bảo thời gian giao hàng trước ngày 31/12/2026.
- Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT,VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

Phụ lục I
MẪU CHÀO GIÁ CỦA NHÀ THẦU

(Kèm theo công văn số: 1342/BVSN-VTTBYT ngày 20/5/2026 của Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại/ bộ phận phụ trách:

BÁO GIÁ GÓI THẦU: (Tên hàng hóa/dịch vụ)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

I. Báo giá cho các danh mục, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau: (Bảng 1)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Tên thương mại, ký mã hiệu (nếu có)	Số và ngày đăng ký lưu hành	Số và ngày giấy phép nhập khẩu	Hãng/nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Loại trang thiết bị y tế	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
...	Tên theo danh mục chào giá	Nhà thầu phải triển khai đầy đủ, cụ thể các mã hàng hóa dự thầu và các chi tiết cấu thành sản phẩm	công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với TTBYT loại A, B); số đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế loại (C,D) và ngày của văn bản	Ghi số giấy phép và ngày của giấy phép (trường hợp hàng hóa không thuộc danh mục nhập khẩu theo TT 30/2015/TT-BYT ghi “ Không thuộc danh mục nhập khẩu ”	Ghi đầy đủ tên theo GPNK hoặc Số lưu hành (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký lưu hành) hoặc CFS và giấy chứng nhận ISO 13485. (Không viết tắt, rút gọn)	Ghi đầy đủ tên theo GPNK hoặc Số lưu hành (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký lưu hành) hoặc CFS và giấy chứng nhận ISO 13485. (Không viết tắt, rút gọn)	(Kê khai và nộp cùng bảng phân loại TTBYT; chứng nhận đủ điều kiện phân loại của đơn vị phân loại theo quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Có kèm số và ngày của văn bản phân loại	Giá tổng và giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ (nếu có)

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa, dịch vụ... Đối với thiết bị y tế gửi kèm thêm: số đăng ký lưu hành/ giấy phép nhập khẩu/ văn bản ban hành kết quả phân loại và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế theo yêu cầu trong **bảng 1**)

II. Bảng đáp ứng thông số kỹ thuật: (Bảng 2)

STT	Thông số kỹ thuật của Bệnh viện yêu cầu	Đáp ứng kỹ thuật của sản phẩm	Tham chiếu tài liệu
	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng Số lượng: 01	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng <i>Hãng chủ sở hữu:</i> <i>Hãng sản xuất:</i> <i>Ký mã hiệu:</i> <i>Nhãn hiệu:</i>	
1.	Ống kính soi, hướng nhìn 0 độ, góc nhìn rộng, đường kính 2.7mm, dài 18cm ($\pm 5\%$), tương thích với dàn phẫu thuật nội soi hãng sản xuất Karl Storz; Số lượng: 01		
2.	Ống kính soi, hướng nhìn 45 độ, góc nhìn rộng, đường kính 2.7mm, dài 18cm ($\pm 5\%$), tương thích với dàn phẫu thuật nội soi hãng sản xuất Karl Storz; Số lượng: 01		
3.	Cán dao số 3, chiều dài làm việc 12.5cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
4.	Bay bóc tách Cottle, hai đầu, 1 đầu bán sắc và 1 đầu tù, dài 20cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
5.	Bay bóc tách, hai đầu, bán sắc và tù, có vạch chia, chiều dài 20 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
6.	Thìa nạo, hai đầu, dạng oval, một đầu cong ngắn 45 độ, bán sắc, đường kính 2,2mm ($\pm 5\%$), đầu còn lại cong dài 90 độ, sắc, đường kính 2.7mm ($\pm 5\%$), chiều dài 19 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
7.	Thìa nạo xoang, miệng hình thuôn, cỡ nhỏ, chiều dài 19 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
8.	Thìa nạo xoang trán Kuhn-Bolger, cong 90 độ, miệng hình oval, cắt phía trước, chiều dài 19 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
9.	Ống hút v. Eicken, có khóa Luer, cong nhiều, đường kính ngoài 2,5 mm, chiều dài 12,5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
10.	Ống hút v. Eicken có khóa Luer, cong nhẹ, đường kính ngoài 2.5 mm, chiều dài 12.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
11.	Ống hút Frazier, có que thông và lỗ, với vạch chia độ từ 5 đến 9 cm ($\pm 5\%$), cỡ 7 Fr., chiều dài làm việc 10 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
12.	Ống hút Frazier, có que thông và lỗ, với vạch chia độ từ 5 đến 9 cm		

	(± 5%), cỡ 5 Fr., chiều dài làm việc 10 cm (± 5%); Số lượng: 01		
13.	Ống hút v. Eicken-Castelnuovo, có khóa Luer, cong nhẹ hình chữ S, có thể uốn, tay cầm có răng cưa, đường kính ngoài 2.5 mm, chiều dài 12.5 cm (± 5%); Số lượng: 01		
14.	Kéo phẫu thuật mũi, có thể tháo rời, thẳng, kiểu mảnh, có răng cưa, chiều dài lưỡi cắt 10 mm (± 5%), chiều dài làm việc 11 cm (± 5%); Số lượng: 1		
15.	Forceps phẫu thuật và chỉnh hình mũi, có thể tháo rời, thẳng, cắt xuyên, với đường cắt mịn, dạng Blakesley, chiều rộng 2.5 mm, chiều dài làm việc 11 cm (± 5%); Số lượng: 01		
16.	Forceps Noyes-Hartmann, có thể tháo rời, phần đầu răng cưa, chiều dài làm việc 11 cm (± 5%); Số lượng: 01		
17.	Forceps Blakesley, có thể tháo rời, thẳng, cỡ 0, chiều dài làm việc 11 cm (± 5%); Số lượng: 01		
18.	Forceps Blakesley-Wilde, có thể tháo rời, cong lên 45 độ, cỡ 0, chiều dài làm việc 11 cm (± 5%); Số lượng: 01		
19.	Kìm cắt ngược Stammberger, cỡ nhỏ cho trẻ em, mảnh nhẹ, vỏ xoay được 360 độ, có ốc hãm, có thể tháo rời được, chiều dài làm việc 10 cm (± 5%); Số lượng: 01		
20.	Kìm cắt, dùng cắt bán phần mỏm móc, cắt ngược lên trên, hàm di động đầu tròn, đường kính 2,5 mm, có đầu nối làm sạch, chiều dài làm việc 10 cm (± 5%); Số lượng: 01		
21.	Ống hút cầm máu đơn cực, có van bấm, cỡ 3 mm, có cách điện, có chốt nối cho đốt điện đơn cực, chiều dài 30 cm (± 5%); Số lượng: 01		
22.	Cán dao số 3, chiều dài làm việc 12.5 cm (± 5%); Số lượng: 01		
23.	Cán dao mổ đa năng Fisch, một bên là dụng cụ nạy, bên còn lại là cán dao mổ số 7, chiều dài 16 cm (± 5%); Số lượng: 01		
24.	Kéo, ruột làm bằng hợp kim, đầu tù/tù, cong, mài hai cạnh, cạnh ngoài bán sắc dùng để bóc tách, chiều dài 11.5 cm (± 5%); Số lượng: 01		
25.	Kéo Metzenbaum, cong, chiều dài 18 cm (± 5%); Số lượng: 01		
26.	Kéo Metzenbaum, cong, chiều dài 14 cm (± 5%); Số lượng: 01		

27.	Kéo Metzenbaum, cực kì tinh xảo, cong, nhọn/nhọn, chiều dài 10.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
28.	Kéo Metzenbaum, tinh xảo, cong, nhọn/nhọn, chiều dài 10.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
29.	Forceps Wullstein hàm răng cưa, chiều dài 15 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
30.	Forceps Wullstein 1x 2 răng, dài 15 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
31.	Dao tròn, cỡ tiêu chuẩn 3.5x2.5 mm, dài 16cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
32.	Dụng cụ bóc tách Crabtree, góc 90 độ, chiều dài tổng thể 16 cm ($\pm 5\%$), kích thước 0.5x1.5mm; Số lượng: 01		
33.	Dụng cụ bóc tách Crabtree, góc 90 độ, chiều dài tổng thể 16 cm ($\pm 5\%$), kích thước 0.5x2.5 mm; Số lượng: 01		
34.	Dụng cụ bóc tách Thomassin, hai đầu, đầu xa có cong nhẹ sang phải hoặc trái, chiều dài 18 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
35.	Dao lưỡi tròn, 45 độ, đường kính 2 mm, chiều dài 16cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
36.	Thìa nạo House nhỏ, hai đầu, một đầu cỡ 1 x 1.6mm và một đầu cỡ 1.3 x 2 mm, chiều dài 15cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
37.	Kim nhọn Wullstein, độ cong trung bình, chiều dài 16.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
38.	Cây nạy, 45 độ, cỡ 0.5 mm, chiều dài 16 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
39.	Cây nạy, 90 độ, cỡ 0.5 mm, chiều dài 16 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
40.	Dao lưỡi tròn, thẳng 0 độ, đường kính 2 mm, chiều dài 16 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
41.	Dao lưỡi tròn, 90 độ, đường kính 2 mm, chiều dài 16cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
42.	Dùi tai Fisch, đường kính 0.5 mm, chiều dài 16 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
43.	Dao lưỡi hái Plester, 2 cạnh cắt, kiểu tiêu chuẩn, cong ít, chiều dài 16 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
44.	Kim bấm xương House-Dieter, có thể tháo rời, hàm cắt lên trên, chiều dài làm việc 8 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		

45.	Kéo vi phẫu Fisch-Bellucci, có thể tháo rời, thân kéo mỏng, lưới dài 3 mm, chiều dài làm việc 8 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
46.	Kéo Bellucci, có thể tháo rời, lưới dài 8 mm, chiều dài làm việc 8 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
47.	Forceps Wullstein vi phẫu tai, có thể tháo rời, cực kỳ tinh tế, hàm hình bầu dục cỡ 0,6 mm, chiều dài làm việc 8 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
48.	Forceps phẫu tích tai Hartmann, cực kỳ tinh xảo, có khóa, 1 x 4.5 mm, chiều dài làm việc 8 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
49.	Tay cầm ống hút Fisch, có lỗ ngắt, đầu nối Luer, chiều dài 5.5 cm ($\pm 5\%$) Số lượng: 01		
50.	Ống hút, gấp góc Luer, đường kính ngoài 0.7 mm, chiều dài làm việc 6 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
51.	Ống hút, gấp góc Luer, có khóa, đường kính ngoài 1 mm, chiều dài làm việc 6 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
52.	Ống hút, gấp góc Luer, có khóa, đường kính ngoài 1.5 mm, chiều dài làm việc 6 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
53.	Ống hút, gấp góc Luer, có khóa, đường kính ngoài 2 mm, chiều dài làm việc 6 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
54.	Ống hút Baron, gấp góc, có tay cầm, lỗ ngắt và que thông nòng (stylet), có khóa Luer, đường kính ngoài 1 mm, chiều dài làm việc 7.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
55.	Ống hút Baron, gấp góc, có tay cầm, lỗ ngắt và que thông nòng (stylet), có khóa Luer, đường kính ngoài 1.7 mm, chiều dài làm việc 7.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
56.	Kìm kẹp kim, chiều dài 15 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
57.	Bàn cắt, nhựa, màu trắng, kích thước 8 x 4 x 1 cm ($\pm 5\%$), có thể tiệt trùng được; Số lượng: 01		
58.	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, nắp trong suốt, có thảm silicone, kích thước: 515 x 233 x 65 mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 02		
59.	Dụng cụ đè lưới Russel Davis, có rãnh ở giữa, cỡ 0, 25 x 60mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		

60.	Dụng cụ đèn lưới Russel Davis có rãnh ở giữa, cỡ 1, 30 x 70mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
61.	Dụng cụ đèn lưới Russel Davis, có rãnh ở giữa, cỡ 2, 34 x 80mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
62.	Dụng cụ đèn lưới Russel Davis, có rãnh ở giữa, cỡ 3, 39 x 84 mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
63.	Dụng cụ đèn lưới Russel Davis, có rãnh ở giữa, cỡ 4, 42 x 98 mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
64.	Dụng cụ đèn lưới Russel Davis, có rãnh ở giữa, cỡ 5, 47 x 105 mm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
65.	Banh miệng Davis Meyer, dạng tiêu chuẩn; Số lượng: 01		
66.	Đèn Lưới Ring, cỡ 2, 25 x 61 mm; Số lượng: 01		
67.	Đèn Lưới Ring, cỡ 3, 28 x 74 mm; Số lượng: 01		
68.	Đèn Lưới Ring, cỡ 4, 34 x 88 mm; Số lượng: 01		
69.	Đèn Lưới Ring, cỡ 5, 37 x 100 mm; Số lượng: 01		
70.	Cây bóc tách và banh trụ, 9 mm, chiều dài 22.5 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
71.	Kẹp Denis Browne, chiều dài làm việc 20 cm ($\pm 5\%$); Số lượng: 01		
72.	Lưới bào, cong 40 độ, đường kính 3mm, dài 12mm, cửa bào hình chữ nhật, lưới bào dạng răng cưa kép, vị trí lưới ở phía sau; Số lượng: 02		
73.	Lưới bào, cong 40 độ, đường kính 3mm, dài 12mm, cửa cắt hình chữ nhật, lưới cắt răng cưa kép, vị trí lưới cắt ở phía trước; Số lượng: 02		
74.	Lưới bào, thẳng, đường kính 3mm, dài 12cm ($\pm 5\%$), cửa cắt hình chữ nhật, lưới cắt răng cưa kép; Số lượng: 02		
75.	Lưới bào, thẳng, đường kính 2mm, dài 12cm ($\pm 5\%$), cửa cắt hình chữ nhật, lưới cắt răng cưa kép; Số lượng: 02		

III. Thông báo và Cam kết

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

2. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 của Luật đấu thầu.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))